

Bản án số: 02/2018/DS-ST
Ngày 05/4/2018
“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Lê Hồng Ninh
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 - Ông: Nguyễn Văn Tơn - Cán bộ nghỉ hưu
 - Bà: Lê Thị Thanh Thủy - Cán bộ nghỉ hưu
- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa: Bà Phạm Bích Hồng, kiểm sát viên.

Trong ngày 05/4/2018, tại hội trường xét xử - Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp dân sự thụ lý số: 22/2017/TLST-TCDS ngày 14/7/2017 về việc "**Tranh chấp hợp đồng tín dụng**" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐ-ST ngày 12/01/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST – DS ngày 07/02/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST – DS ngày 07/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Ngân hàng Đ

Địa chỉ: Tháp B – 35 H - quận H, Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Đức T** – Chức vụ: Tổng giám đốc
- Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Mạnh H** – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Đ - Chi nhánh thành phố C, tỉnh Quảng Ninh (Văn bản ủy quyền số 8695 ngày 28/10/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng Đ)

Địa chỉ chi nhánh: Số 204 – đường T, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh

- Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà **Nguyễn Thị T**; Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân - Ngân hàng Đ - Chi nhánh thành phố C (Văn bản ủy quyền số 0586 ngày 30/5/2017 của giám đốc Ngân hàng Đ - Chi nhánh thành phố C)

Nơi ĐKNKTT: Tổ B, khu H, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt

2. Bị đơn - Ông Bùi Văn C – sinh ngày xx/x/xxxx

CMND số: 10090xxxx do Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày xx/xx/xxxx

- Bà **Đặng Thị Thanh B** - sinh ngày xx/x/xxxx

CMND số: 10080xxxx do Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày xx/x/xxxx

Cùng đăng ký HKTT tại: Tổ B, khu BA, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh - Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/6/2017, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên toà người đại diện của Ngân hàng Đ trình bày:

❖ Ngân hàng Đ - Chi nhánh H và Bà Đặng Thị Thanh B - Ông Bùi Văn C đã thỏa thuận ký Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2015/7179711/HĐBĐ ngày xx/xx/xxxx và Hợp đồng tín dụng số: 01/2015/7179711/HĐTD ngày xx/xx/xxxx với nội dung:

- + Số tiền vay: 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng chẵn);
- + Mục đích vay: sửa chữa nhà ở;
- + Thời hạn vay: 84 tháng, kể từ ngày 30/09/2015 đến ngày 30/09/2022;
- + Lãi suất cho vay: 9,5%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn

❖ Ngân hàng Đ - Chi nhánh H và Bà Đặng Thị Thanh B - Ông Bùi Văn C đã thỏa thuận ký Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/7179711/HĐBĐ ngày xx/xx/xxxx và Hợp đồng tín dụng số: 01/2016/7179711/HĐTD ngày xx/xx/xxxx với nội dung:

- + Số tiền vay: 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm triệu đồng chẵn);
- + Mục đích vay: Mua nhà ở;
- + Thời hạn vay: 84 tháng, kể từ ngày 20/01/2016 đến ngày 20/01/2023;
- + Lãi suất cho vay: 10%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn

- Các tài sản Bà Đặng Thị Thanh B – Ông Bùi Văn C dùng để thế chấp bảo đảm cho các hợp đồng tín dụng trên gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Bà Đặng Thị Thanh B – Ông Bùi Văn C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC xxxxxx do UBND thị xã C cấp ngày xx/xx/xxxx, số vào sổ cấp GCN: H 269 cho Bà Trần Thị H – Ông Vũ Văn C, đã chuyển nhượng cho Ông Bùi Văn C – Bà Đặng Thị Thanh B ngày xx/xx/xxxx.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Bà Đặng Thị Thanh B – Ông Bùi Văn C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP xxxxxx do UBND thị xã C cấp ngày xx/xx/xxxx, số vào sổ cấp GCN: H -27 cho Ông Bùi Văn C – Bà Đặng Thị Thanh B.

- Từ ngày 01/01/2017, Chi nhánh C nhận chuyển giao khoản vay trên của Bà Đặng Thị Thanh B – Ông Bùi Văn C từ Chi nhánh H theo quyết định số 11179/QĐ-Đ ngày 28/12/2016 của Đ.

Trong quá trình vay vốn Bà Đặng Thị Thanh B – Ông Bùi Văn C đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo cam kết tại các Hợp đồng tín dụng, trong đó đối với Hợp đồng tín dụng số: 01/2015/7179711/HĐTD ngày xx/xx/xxxx, ông C, bà B mới trả tiền gốc cho ngân hàng số tiền 150.000.000đ; tiền lãi là 115.543.750đ, sau đó không trả cho ngân hàng bất kỳ khoản nào khác. Vì vậy, khoản nợ đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 28/03/2016 đến nay.

Kể từ thời điểm khoản vay chuyển nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ và yêu cầu Bà Đặng Thị Thanh B – Ông Bùi Văn C thanh toán nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tuy nhiên Bà Đặng Thị Thanh B – Ông Bùi Văn C cũng không có phương án khả thi thanh toán các nghĩa vụ nợ cho Ngân hàng, đồng thời cũng không hợp tác trong quá trình Ngân hàng yêu cầu thực hiện các biện pháp xử lý nợ.

Tính đến hết ngày 27/06/2017, Bà Đặng Thị Thanh B – Ông Bùi Văn C còn nợ Đ - Chi nhánh C số tiền là: **5.479.575.520 đồng** (gồm nợ gốc: 4.863.700.000 đồng; nợ lãi: 593.967.777 đồng và lãi quá hạn: 21.907.743 đồng).

Ngân hàng Đ Chi nhánh C yêu cầu Toà án buộc Bị đơn là Bà Đặng Thị Thanh B – Ông Bùi Văn C phải trả ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ tính đến hết ngày 27/06/2017 là: **5.479.575.520 đồng** (*Bằng chữ: Năm tỷ bốn trăm bảy mươi chín triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi đồng*) và các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phạt và các khoản phí khác phát sinh kể từ ngày 28/06/2017 cho đến khi Bà Đặng Thị Thanh B – Ông Bùi Văn C thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo:

✓ *Hợp đồng tín dụng số: 01/2015/7179711/HĐTD ngày xx/xx/xxxx*

✓ *Hợp đồng tín dụng số: 01/2016/7179711/HĐTD ngày xx/xx/xxxx*

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2015/7179711/HĐBĐ ngày xx/xx/xxxx và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/7179711/HĐBĐ ngày xx/xx/xxxx giữa Bên thế chấp (Bên vay) là Bà Đặng Thị Thanh B – Ông Bùi Văn C và Bên nhận thế chấp là Ngân hàng Đ – Chi nhánh H (nay là Ngân hàng Đ – Chi nhánh C) để đảm bảo thi hành án, thu hồi nợ vay.

Trường hợp Bị đơn không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng, thì đề nghị Toà án tuyên Ngân hàng Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thi hành án, thu hồi nợ vay.

Cụ thể tài sản đảm bảo cho khoản vay của Bà Đặng Thị Thanh B – Ông Bùi Văn C tại Ngân hàng hiện tại là:

+ Quyền sử dụng 134,4 m² đất ở và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Tổ B, phường C, thị xã C (nay là Thành phố C), tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC xxxxx do UBND thị xã C cấp ngày xx/xx/xxxx, sổ vào sổ cấp GCN: H 269 cho Bà Trần Thị H – Ông Vũ Văn C, đã chuyển nhượng cho Ông

Bùi Văn C – Bà Đặng Thị Thanh B ngày xx/xx/xxxx. Tài sản thế chấp thực hiện các thủ tục đảm bảo đầy đủ giá trị pháp lý theo quy định.

+ Quyền sử dụng 64,6 m² đất ở và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Tổ B, khu BA – phường C, thị xã C (nay là Thành phố C), Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP xxxxxx do UBND thị xã C cấp ngày xx/xx/xxxx, số vào sổ cấp GCN: H -27. Tài sản thế chấp thực hiện các thủ tục đảm bảo đầy đủ giá trị pháp lý theo quy định.

Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và bản tự khai bổ sung ngày 28/12/2017 Ngân hàng Đ trình bày: Ngày 22/12/2017 bà Đặng Thị Thanh B – Ông Bùi Văn C có đề nghị Ngân hàng xin bán 01 tài sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP xxxxxx do UBND thị xã C cấp ngày xx/xx/xxxx, số vào sổ cấp GCN: H -27 cho Ông Bùi Văn C – Bà Đặng Thị Thanh B với số tiền bán dự kiến là 2.230.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng. Đến ngày 27/12/2017 khách mua nhà đất của bà Đặng Thị Thanh B – Ông Bùi Văn C đã chuyển tiền mua nhà đất của bà Đặng Thị Thanh B – Ông Bùi Văn C vào tài khoản số 44110000734455 của bà Đặng Thị Thanh B tại Ngân hàng Đ Chi nhánh C số tiền: 2.230.000.000 đồng, Ngân hàng đã tiến hành thu nợ số tiền 2.230.000.000 đồng, đồng thời xác nhận dư nợ lãi chưa thanh toán theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/7179711/HĐTD ngày xx/xx/xxxx, mà bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng là 71.106.624đ (trong đó lãi trong hạn: 58.454.416đ; lãi quá hạn: 12.652.208đ) và làm thủ tục xuất tài sản bảo đảm là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP xxxxxx do UBND thị xã C cấp ngày xx/x/xxxx, số vào sổ cấp GCN: H -27 cho Ông Bùi Văn C – Bà Đặng Thị Thanh B để trả lại cho bà B, ông C.

Vì vậy, tại thời điểm ngày 28/12/2017, Ngân hàng yêu cầu Toà án thành phố C giải quyết:

- *Buộc Bị đơn là Bà Đặng Thị Thanh B – Ông Bùi Văn C phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ tính đến hết ngày 27/12/2017 là: 3.510.101.104 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ, năm trăm mười triệu, một trăm linh một ngàn, một trăm linh bốn đồng) và các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh từ ngày 28/12/2017 cho đến khi Bị đơn thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo:*

- Hợp đồng tín dụng số: 01/2015/7179711/HĐTD ngày 30/09/2015

Trong đó: - Nợ gốc là: 2.850.000.000 đồng

- Nợ lãi trong hạn là: 557.444.166 đồng

- Nợ lãi quá hạn là: 31.550.313 đồng

Tổng dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2015/7179711/HĐTD ngày 30/09/2015 là: 3.438.994.479 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ, bốn trăm ba mươi tám triệu, chín trăm chín mươi tư ngàn, bốn trăm bảy mươi chín đồng)

- Hợp đồng tín dụng số: 01/2016/7179711/HĐTD ngày 20/01/2016

Trong đó: - Nợ gốc là: 0 đồng

- Nợ lãi trong hạn là: 58.454.417 đồng

- Nợ lãi quá hạn là: 12.652.208 đồng

Tổng dư nợ lãi chưa thanh toán theo hợp đồng tín dụng số: 01/2016/7179711/HĐTD ngày 20/01/2016 là: 71.106.625 đồng (Bảy mươi một triệu, một trăm linh sáu ngàn, sáu trăm hai mươi lăm đồng)

- Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2015/7179711/HĐBB ngày xx/xx/xxxx giữa Bên thế chấp (Bên vay) là Bà Đặng Thị Thanh B – Ông Bùi Văn C và Bên nhận thế chấp là Ngân hàng Đ – Chi nhánh H (nay là Ngân hàng Đ – Chi nhánh C) để đảm bảo thi hành án, thu hồi nợ vay.

Trường hợp Bị đơn không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng, thì đề nghị Toà án tuyên Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thi hành án, thu hồi nợ vay.

Tại phiên tòa, Ngân hàng Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị B, anh C phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Đ, tính đến hết ngày 04/4/2018 số tiền là: 3.602.164.958đ (ba tỷ sáu trăm linh hai triệu, một trăm sáu mươi bốn nghìn, chín trăm năm mươi tám đồng)

Trong đó: nợ gốc là : 2.850.000.000 đồng (hai tỉ, tám trăm năm mươi triệu đồng);

Nợ lãi là: 638.906.667đ (sáu trăm ba mươi tám triệu, chín trăm linh sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng)

Nợ lãi quá hạn là: 42.151.667đ (bốn mươi hai triệu, một trăm năm mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng)

Số tiền dư nợ lãi chưa thanh toán, theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/7179711/HĐTD ngày xx/x/xxxx là 71.106.624đ (bảy mươi một triệu, một trăm linh sáu nghìn, sáu trăm hai mươi bốn đồng) đồng thời xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay là:

+ Quyền sử dụng 134,4 m² đất ở và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Tổ B, phường C, thị xã C (nay là tổ B, khu BA, phường C, Thành phố C), tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC xxxxxx do UBND thị xã C ngày xx/xx/xxxx, số vào sổ cấp GCN: H 269 cho Bà Trần Thị H – Ông Vũ Văn C, đã chuyển nhượng cho Ông Bùi Văn C – Bà Đặng Thị Thanh B ngày xx/xx/xxxx.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng, thì đề nghị Toà án tuyên Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thi hành án, thu hồi nợ vay.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 30/8/2017 chị Đặng Thị Thanh B có lời khai thể hiện: Các văn bản của Tòa án như Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Hòa giải,

Tòa án tổng đạt chị B và anh C đều nhận được đầy đủ, tuy nhiên do điều kiện công việc, nên chị không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng. Chị thừa nhận, anh chị đã làm thủ tục vay vốn ngân hàng để phục vụ cho mục đích tiêu dùng sửa chữa nhà ở và mua nhà ở, chị đồng ý với nội dung khởi kiện của ngân hàng Đ - chi nhánh C, khởi kiện đòi nợ tại Tòa án đối với chị. Trong đó, tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2015/7179711/HĐBĐ ngày xx/xx/xxxx và Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7179711/HĐTD ngày xx/xx/xxxx anh chị đã vay của Ngân hàng số tiền gốc là 3.000.000.000đ, (ba tỷ đồng), và tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/7179711/HĐBĐ ngày xx/xx/xxxx và Hợp đồng tín dụng số: 01/2016/7179711/HĐTD ngày xx/xx/xxxx, anh chị đã vay của Ngân hàng số tiền vay: 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm triệu đồng chẵn) mục đích vay vốn là để sửa chữa nhà ở và mua nhà ở, chị B thừa nhận, tạm tính đến ngày 31/07/2017 anh chị còn nợ ngân hàng tổng số tiền là: 5.515.324.256đ. Quan điểm của vợ chồng chị về việc giải quyết vụ án: Chị đồng ý trả nợ cho ngân hàng, tuy nhiên vợ chồng chị đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để gia đình phối hợp với Ngân hàng tìm người mua để bán tài sản đảm bảo trả nợ cho ngân hàng, đồng thời đề nghị Ngân hàng xem xét miễn hoặc giảm lãi xuất cho vợ chồng chị.

Tại biên bản thẩm định, xem xét tại chỗ tài sản thế chấp ngày 14/9/2017 đối với Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Bà Đặng Thị Thanh B – Ông Bùi Văn C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC xxxxxx do UBND thị xã C cấp ngày xx/xx/xxxx, sổ vào sổ cấp GCN: H 269 cho Bà Trần Thị H – Ông Vũ Văn C, đã chuyển nhượng cho Ông Bùi Văn C – Bà Đặng Thị Thanh B ngày xx/xx/xxxx và theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP xxxxxx do UBND thị xã C cấp ngày xx/xx/xxxx, sổ vào sổ cấp GCN: H -27 cho Ông Bùi Văn C – Bà Đặng Thị Thanh B, xác định: Tại thời điểm thẩm định, xem xét tại chỗ, tài sản thế chấp gồm:

- Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC xxxxxx do UBND thị xã C cấp ngày xx/xx/xxxx

Vị trí, hiện trạng thửa đất không có gì thay đổi so với thời điểm thế chấp, địa chỉ thửa đất số nhà M, đường V, thuộc tổ B (trước đây là tổ B) khu BA, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, diện tích thửa đất 134,4m²; mục đích sử dụng: Đất ở; thời gian sử dụng: Lâu dài; chiều dài 16,8m (hai cạnh bằng nhau), chiều rộng 8,0m (hai cạnh bằng nhau).

Về hiện trạng tài sản trên đất: Không có gì thay đổi so với thời điểm thế chấp cụ thể: Diện tích xây dựng 123,2m²; Số tầng 05 (không xem xét được số phòng và nội thất các phòng cụ thể trong nhà dùng cho sinh hoạt); Kết cấu tổng thể toàn bộ nhà: Móng nhà bê tông, khung mái bê tông, tường gạch; Các vị trí giáp ranh: Phía Bắc giáp hộ gia đình ông H; Phía Nam giáp đường V; Phía Đông giáp hộ gia đình ông M; Phía Tây giáp hộ gia đình bà L.

- Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP xxxxxx do UBND thị xã C cấp ngày xx/xx/xxxx

Vị trí, hiện trạng thửa đất không có gì thay đổi so với thời điểm thế chấp, địa chỉ thửa đất trên đường V, thuộc tổ B (trước đây là tổ B) khu BA, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, diện tích thửa đất 64,6m²; mục đích sử dụng: Đất ở; thời gian sử dụng: Lâu dài; chiều dài 13.6m (hai cạnh bằng nhau), chiều rộng 4,75m (hai cạnh bằng nhau).

Về hiện trạng tài sản trên đất: Không có gì thay đổi so với thời điểm thế chấp cụ thể: Nhà bê tông hai tầng, phía trước và phía sau lợp tôn, có 01 tum, tại tầng một phía trước có mái tôn, cổng sắt, tại tầng hai phía trước và sau tum đều lợp tôn. Kết cấu tổng thể toàn bộ nhà: Móng nhà bê tông, khung mái bê tông, tường gạch; Các vị trí giáp ranh: Phía Bắc giáp hộ gia đình ông Mai Văn M; Phía Nam giáp đường V; Phía Đông giáp hộ gia đình bà H; Phía Tây giáp ngõ vào hộ gia đình ông Mai Văn M.

Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ, theo báo cáo của ông Đặng Ngọc T là khu trưởng khu BA, phường C, thành phố C và ông Lê Quang T là tổ trưởng tổ B, khu BA, phường C, thành phố C, không có tranh chấp về đất đai và tài sản gắn liền trên đất đang tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn là chị Đặng Thị Thanh B, anh Bùi Văn C, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo qui định tại Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Đặng Thị Thanh B, anh Bùi Văn C.

[2] **Về đơn khởi kiện và yêu cầu khởi kiện:**

[2.1] Ngày 28/12/2016 Ngân hàng Đ ban hành văn bản số 11179/QĐ – BIDV về việc thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch C từ chi nhánh H sang chi nhánh C, ngày 02/01/2017 chi nhánh H và chi nhánh C đã hoàn tất sự bàn giao phòng giao dịch C theo nội dung văn bản số 11179/QĐ – BIDV ngày 28/12/2016, vì vậy, tính từ ngày 02/01/2017 Ngân hàng Đ – chi nhánh C, là đơn vị trực tiếp quản lý món vay của chị Đặng Thị Thanh B, anh Bùi Văn C. Tại thông báo tình trạng khoản vay ngày

06/6/2017 Ngân hàng Đ – chi nhánh C cam kết: Khoản vay của khách hàng Đặng Thị Thanh B, Bùi Văn C hiện tại vẫn do chi nhánh C quản lý, chưa bán hoặc chuyển giao quyền đòi nợ cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào. Do vậy, Ngân hàng Đ – chi nhánh C khởi kiện đòi nợ đối với chị Đặng Thị Thanh B, anh Bùi Văn C là có căn cứ, được chấp nhận xem xét.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện tại đơn khởi kiện ngày 28/6/2017 của Ngân hàng Đ thấy: Tại đơn khởi kiện ngày 28/6/2017 Ngân hàng Đ khởi kiện yêu cầu Ông Bùi Văn C – Bà Đặng Thị Thanh B phải trả ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ tính đến hết ngày 27/06/2017 là: **5.479.575.520 đồng** (*Bằng chữ: Năm tỷ bốn trăm bảy mươi chín triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi đồng*) và các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phạt và các khoản phí khác phát sinh kể từ ngày 28/06/2017 cho đến khi Bà Đặng Thị Thanh B – Ông Bùi Văn C thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ. Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7179711/HĐTD ngày xx/xx/xxxx và Hợp đồng tín dụng số: 01/2016/7179711/HĐTD ngày xx/xx/xxxx; Bảng kê rút vốn ngày xx/xx/xxxx và ngày xx/xx/xxxx, các giấy rút tiền mặt ngày xx/xx/xxxx và ngày xx/xx/xxxx giữa Ngân hàng Đ – Chi nhánh H (nay là Ngân hàng Đ – Chi nhánh C) và chị Đặng Thị Thanh B, anh Bùi Văn C. Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2015/7179711/HĐBĐ ngày xx/xx/xxxx và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/7179711/HĐBĐ ngày xx/xx/xxxx được ký kết giữa Ngân hàng Đ – Chi nhánh H và chị Đặng Thị Thanh B, anh Bùi Văn C và quy định tại các điều 471, 474, 476, 318, 342 và 355 Bộ luật dân sự năm 2005. Hội đồng xét xử nhận định: Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản, giấy rút tiền mặt nêu trên được ký kết giữa Ngân hàng Đ – Chi nhánh H và chị Đặng Thị Thanh B, anh Bùi Văn C là giao dịch dân sự hợp pháp. Các bên đương sự thoả thuận với nhau trên cơ sở tự nguyện, đúng với các quy định của Bộ luật dân sự; Luật các tổ chức tín dụng và các quy chế; quy định của Thống đốc Ngân hàng nhà nước; Ngân hàng Đ.

[2.3] Xét đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và nội dung tại bản tự khai bổ sung ngày 28/12/2017 của nguyên đơn thấy: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/7179711/HĐBĐ ngày xx/xx/xxxx giữa Bên thế chấp (Bên vay) là Bà Đặng Thị Thanh B – Ông Bùi Văn C và Bên nhận thế chấp là Ngân hàng Đ – Chi nhánh H (nay là Ngân hàng Đ – Chi nhánh C), trong đó tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Bà Đặng Thị Thanh B – Ông Bùi Văn C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP xxxxxx do UBND thị xã C cấp ngày xx/xx/xxxx, số vào sổ cấp GCN: H -27 cho Ông Bùi Văn C – Bà Đặng Thị Thanh B đã được bảo đảm cho món vay tại Hợp đồng tín dụng số 01/2016/7179711/HĐTD ngày xx/xx/xxxx số tiền là 2.100.000.000đ, đối với món vay này, tính đến ngày 31/7/2017 bà B, ông C phải trả cho Ngân hàng số tiền là 2.213.181.236đ. Tuy nhiên, ngày 27/12/2017 Ngân hàng và bà Đặng Thị Thanh B – Ông Bùi Văn C đã đạt được thỏa thuận bán tài sản để thu hồi nợ, Ngân hàng đã tiến hành thu nợ số tiền 2.230.000.000 đồng, đồng thời xác nhận dư nợ lãi chưa thanh toán theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/7179711/HĐTD ngày xx/xx/xxxx, mà bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng là 71.106.625đ (trong đó lãi trong hạn: 58.454.416đ; lãi quá hạn: 12.652.208đ) và làm thủ tục xuất tài sản bảo đảm là giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số AP xxxxxx do UBND thị xã C cấp ngày xx/xx/xxxx, số vào sổ cấp GCN: H -27 cho Ông Bùi Văn C – Bà Đặng Thị Thanh B để trả lại cho bà B, ông C.

Như vậy, đến thời điểm xét xử vụ án, giữa nguyên đơn và bị đơn đã thanh lý xong đối với Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/7179711/HĐBĐ ngày xx/xx/xxxx và hợp đồng tín dụng số 01/2016/7179711/HĐTD ngày xx/xx/xxxx, ngày 28/12/2017 Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam rút một phần yêu cầu khởi kiện là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, tham chiếu văn bản Giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ số 01/2017/GĐ – TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Hội đồng xét xử nhận thấy, cần phải đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tương ứng với nội dung yêu cầu mà nguyên đơn xin rút. Ngày 28/12/2017 Ngân hàng đã gửi thông báo nợ quá hạn cho chị Bình, anh Công, trong đó xác nhận số tiền dư nợ chưa thanh toán theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/7179711/HĐTD ngày xx/xx/xxxx là 71.106.625đ, chị Bình, anh Công đã nhận thông báo nhưng không có ý kiến gì khác. Vì vậy, cũng cần phải xem xét phần dư nợ lãi chưa thanh toán mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục thanh toán, theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/7179711/HĐTD ngày xx/xx/xxxx, theo đó, bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 71.106.625đ, để bảo đảm quyền lợi của nguyên đơn.

[2.4] Trong quá trình giải ngân và kiểm soát vốn vay, Ngân hàng đã có nhiều biện pháp kiểm tra, đôn đốc và làm việc trực tiếp với chị Đặng Thị Thanh B, anh Bùi Văn C để cùng chị B, anh C tháo gỡ khó khăn, tìm phương án nhằm xử lý dứt điểm khoản nợ, tạo điều kiện hỗ trợ chị B, anh C giải quyết khó khăn, tìm giải pháp xử lý khoản nợ, xử lý tài sản bảo đảm nhưng chị B, anh C không thực hiện được kế hoạch trả nợ và các cam kết với Ngân hàng, thể hiện sự thiếu thiện chí, không tích cực phối hợp với Ngân hàng trong việc xử lý tài sản bảo đảm thu hồi nợ. Nay Ngân hàng Đ khởi kiện tại Tòa án, yêu cầu giải quyết buộc chị B, anh C phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Đ, tính đến hết ngày 04 /4 /2018 số tiền là: 3.602.164.958đ (ba tỷ sáu trăm linh hai triệu, một trăm sáu mươi bốn nghìn, chín trăm năm mươi tám đồng)

Trong đó: nợ gốc là : 2.850.000.000 đồng (*hai tỉ, tám trăm năm mươi triệu đồng*);

Nợ lãi là: 638.906.667đ (sáu trăm ba mươi tám triệu, chín trăm linh sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng)

Nợ lãi quá hạn là: 42.151.667đ (bốn mươi hai triệu, một trăm năm mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng)

Số tiền dư nợ lãi chưa thanh toán, theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/7179711/HĐTD ngày xx/xx/xxxx là 71.106.624đ (bảy mươi một triệu, một trăm linh sáu nghìn, sáu trăm hai mươi bốn đồng) đồng thời xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi Ngân hàng Đ - chi nhánh H và chị B, anh C ký kết các hợp đồng tín dụng, thông qua các giấy rút tiền mặt, chị B, anh C đã nhận đầy đủ số tiền 5.100.000.000 đồng (năm tỷ một trăm triệu đồng), ông C, bà B mới trả tiền gốc cho ngân hàng số tiền 150.000.000đ; tiền lãi là 115.543.750đ, sau đó không

trả cho ngân hàng bất kỳ khoản nào khác. Từ ngày 28/3/2016 toàn bộ số tiền vay nợ Ngân hàng của chị B, anh C đã chuyển sang nợ quá hạn. Quá trình giải quyết tại tòa án, chị B, anh C đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ nhiều lần, nhưng cố tình trốn tránh, không có mặt để giải quyết vụ việc. Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 06/10/2017, ông Lê Quang T là tổ trưởng tổ 4, khu 3A cung cấp: Bản thân ông nhiều lần giao giấy tờ cho ông C, bà B và ông bà không có ý kiến gì, hiện tại, bà Đặng Thị Thanh B, ông Bùi Văn C vẫn ở địa phương, thường xuyên sinh sống, tham gia hoạt động của khu phố, không đăng ký tạm trú, tạm vắng tại địa phương. Tại Biên bản giao trả giấy tờ, tài sản thế chấp ngày 27/12/2017 được lập giữa Ngân hàng và chị B, anh C, chị B và anh C đều có mặt, từ đó cho thấy, việc chị B, anh C không đến Tòa án làm việc theo triệu tập của Tòa án, thể hiện sự không tôn trọng đối với cơ quan tiến hành tố tụng. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 30/8/2017 chị Đặng Thị Thanh B đã thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng số tiền 5.100.000.000đ, mục đích vay vốn là để thanh toán tiền chi phí sửa chữa nhà ở và mua nhà ở, thừa nhận đã nhận được các văn bản triệu tập của Tòa án nhưng không đến làm việc, chị B đồng ý với nội dung khởi kiện của ngân hàng Đ - chi nhánh C, khởi kiện đòi nợ tại Tòa án đối với chị. Trong đó, tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2015/7179711/HĐBĐ ngày xx/xx/xxxx và Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7179711/HĐTD ngày xx/xx/xxxx anh chị đã vay của Ngân hàng số tiền gốc là 3.000.000.000đ, (ba tỷ đồng), và tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/7179711/HĐBĐ ngày xx/xx/xxxx và Hợp đồng tín dụng số: 01/2016/7179711/HĐTD ngày xx/xx/xxxx, anh chị đã vay của Ngân hàng số tiền vay: 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm triệu đồng chẵn) mục đích vay vốn là để sửa chữa nhà ở và mua nhà ở, chị B thừa nhận, tạm tính đến ngày 31/07/2017 anh chị còn nợ ngân hàng tổng số tiền là: 5.515.324.256đ. Quan điểm của vợ chồng chị về việc giải quyết vụ án: Chị đồng ý trả nợ cho ngân hàng, đồng thời, vợ chồng chị đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để gia đình phối hợp với Ngân hàng tìm người mua để bán tài sản đảm bảo trả nợ cho ngân hàng, đề nghị Ngân hàng xem xét miễn hoặc giảm lãi xuất cho vợ chồng chị. Tuy nhiên, cho đến ngày xét xử vụ án, chị B, anh C không thực hiện cam kết, không đến Tòa án để giải quyết vụ án theo yêu cầu của Tòa án.

[2.5] Từ những đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử khẳng định, tính đến ngày xét xử sơ thẩm, do nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, vì vậy, chị Đặng Thị Thanh B, anh Bùi Văn C còn nợ Ngân hàng Đ - chi nhánh C tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi là : 3.602.164.958đ (ba tỷ sáu trăm linh hai triệu, một trăm sáu mươi bốn nghìn, chín trăm năm mươi tám đồng)

Trong đó: nợ gốc là : 2.850.000.000 đồng (hai tỉ, tám trăm năm mươi triệu đồng);

Nợ lãi là: 638.906.667đ (sáu trăm ba mươi tám triệu, chín trăm linh sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng)

Nợ lãi quá hạn là: 42.151.667đ (bốn mươi hai triệu, một trăm năm mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng)

Số tiền dư nợ lãi chưa thanh toán, theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/7179711/HĐTD ngày xx/xx/xxxx là 71.106.624đ (bảy mươi một triệu, một trăm linh sáu nghìn, sáu trăm hai mươi bốn đồng)

[3]Đối với hợp đồng, tài sản thế chấp vay vốn:

Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất 134,4 m² đất ở và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Tổ B, phường C, thị xã C (nay là tổ B, khu BA, phường C, Thành phố C), tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC xxxxxx do UBND thị xã C cấp ngày xx/xx/xxxx, số vào sổ cấp GCN: H 269 cho Bà Trần Thị H – Ông Vũ Văn C, đã chuyển nhượng cho anh Bùi Văn C – chị Đặng Thị Thanh B ngày 08/06/2009. Khi hai bên xác lập hợp đồng thế chấp tài sản để vay vốn, đã thực hiện đầy đủ thủ tục Công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định . Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/9/2017 tài sản thế chấp không có sự biến động nào so với thời điểm thế chấp, đồng thời theo xác nhận của tổ trưởng tổ B, khu trưởng khu BA, phường C, thành phố C, không có bất cứ tranh chấp của tổ chức và cá nhân nào liên quan đến đất đai và tài sản gắn liền trên đất đang tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ.

Hội đồng xét xử thấy rằng, đây đúng là tài sản của anh Bùi Văn C – chị Đặng Thị Thanh B, chị B, anh C đã dùng tài sản này để thế chấp vay vốn sử dụng vào mục đích tiêu dùng với Ngân hàng Đ – chi nhánh H – phòng giao dịch C, nay là Ngân hàng Đ – Chi nhánh C.

[4] Biện pháp đảm bảo, lãi suất, và án phí:

[4.1] Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2015/7179711/HĐBĐ ngày 30/09/2015 giữa Bên thế chấp (Bên vay) là Bà Đặng Thị Thanh B – Ông Bùi Văn C và Bên nhận thế chấp là Ngân hàng Đ – Chi nhánh (nay là Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh C) để đảm bảo thi hành án.

[4.2] Anh Bùi Văn C – chị Đặng Thị Thanh B còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết, thời điểm kể từ khi xét xử sơ thẩm đến khi thanh toán xong.

[4.3] Anh Bùi Văn C– chị Đặng Thị Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, trả lại cho Ngân hàng Đ (chi nhánh C) số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 471, 474, 476, 318, 342, 355 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 71; Khoản 2 Điều 244; Điều 147; Điều 266; Điều 273; Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:**

[1] Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể là đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu liên quan đến Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/7179711/HĐBĐ ngày xx/xx/xxxx và hợp đồng tín dụng số 01/2016/7179711/HĐTD ngày xx/xx/xxxx được ký kết giữa Ngân hàng Đ – Chi nhánh H (nay là Ngân hàng Đ – Chi nhánh C) với Anh Bùi Văn C – chị Đặng Thị Thanh B.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ đối với yêu cầu liên quan đến Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2015/7179711/HĐBĐ ngày xx/xx/xxxx và Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7179711/HĐTD ngày xx/xx/xxxx được ký kết giữa Ngân hàng Đ – Chi nhánh H (nay là Ngân hàng Đ – Chi nhánh C) với Anh Bùi Văn C – chị Đặng Thị Thanh B và phần yêu cầu thanh toán dư nợ lãi chưa thanh toán, theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/7179711/HĐTD ngày 20/01/2016.

[2.1] Buộc Anh Bùi Văn C – chị Đặng Thị Thanh B, cùng đăng ký HKTT tại: Tổ B, khu BA, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Đ số tiền nợ gốc và tiền lãi là: 3.602.164.958đ (ba tỷ sáu trăm linh hai triệu, một trăm sáu mươi bốn nghìn, chín trăm năm mươi tám đồng)

Trong đó: nợ gốc là : 2.850.000.000 đồng (*hai tỉ, tám trăm năm mươi triệu đồng*);

Nợ lãi là: 638.906.667đ (sáu trăm ba mươi tám triệu, chín trăm linh sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng)

Nợ lãi quá hạn là: 42.151.667đ (bốn mươi hai triệu, một trăm năm mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng)

Số tiền dư nợ lãi chưa thanh toán, theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/7179711/HĐTD ngày xx/xx/xxxx là 71.106.624đ (bảy mươi một triệu, một trăm linh sáu nghìn, sáu trăm hai mươi bốn đồng)

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2015/7179711/HĐBĐ ngày xx/xx/xxxx giữa Bên thế chấp (Bên vay) là chị Đặng Thị Thanh B – anh Bùi Văn C và Bên nhận thế chấp là Ngân hàng Đ – Chi nhánh H (nay là Ngân hàng Đ – Chi nhánh C) để đảm bảo thi hành án.

[2.2] Tài sản thế chấp theo hợp đồng là: Quyền sử dụng đất 134,4 m² đất ở và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Tổ B phường C, thị xã C (nay là Tổ B, khu BA, phường C, Thành phố C), tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC xxxxxx do UBND thị xã C cấp ngày xx/xx/xxxx, số vào sổ cấp GCN: H 269 cho Bà Trần Thị H – Ông Vũ Văn C, đã chuyển nhượng cho anh Bùi Văn C – chị Đặng Thị Thanh B ngày xx/xx/xxx, để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ với Ngân hàng Đ.

* Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Anh Bùi Văn C – chị Đặng Thị Thanh B còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong

khoản nợ gốc này (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

[3] Về án phí:

[3.1] Anh Bùi Văn C – chị Đặng Thị Thanh B phải chịu 104.043.000đ (một trăm linh bốn triệu, không trăm bốn mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Trả lại cho Ngân hàng Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 63.400.000đ (sáu mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000xxxx ngày xx/x/xxxx tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi nhận:

- VKSND TP C;
- TAND tỉnh Q/N;
- THADS TP C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ-Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Hồng Ninh

